



Từ vựng	Phiên âm	Dịch nghĩa
(n)	/ 'ækses/	tiếp cận, đến được
(adj)	/ 'ænjuəl/	(xảy ra) hằng năm
(n)	/ ,baɪəʊdaɪ 'vɜ:səti/	sự đa dạng sinh học
(n, adj)	/ 'kɒrəl/	san hô
(adj) (about something)	/ 'kreɪzi/	thích mê
(n)	/ ,destɪ 'neɪʃn/	điểm đến
(n)	/ 'i:kəʊsɪstəm/	hệ sinh thái
(n)	/ 'f:ʃə/	đặc điểm
(v)	/ləʊ 'keɪt/	định vị, đặt ở
(n)	/ləʊ 'keɪʃn/	địa điểm, nơi chốn
(adj)	/mə 'dʒestɪk/	uy nghi, trang lệ
(v)	/ə 'kɜ:/	xảy ra
(n)	/ 'pærədaɪs/	thiên đường, nơi đẹp tuyệt trần
(n)	/pi:k/	đỉnh, đỉnh núi
(n)	/pə 'mɪʃn/	sự cho phép
(v)	/pə 'mɪt/	cho phép
(v)	/pə 'zes/	có, sở hữu
(v)	/sə 'pɔ:t/	ủng hộ, giúp đỡ

	(adj)	/sə' steɪnəbl/	bền vững
		/'trævl ,destɪ'neɪʃn/	điểm đến du lịch
	(adj)	/'ɜ:dʒənt/	gấp, cấp bách
Từ vựng		Phiên âm	Dịch nghĩa
	(n)	/'eɪdʒənsi/	hãng (du lịch)
	(n)	/'eɪdʒənt/	nhân viên hãng
	(n)	/'brəʊʃə/	quyển quảng cáo (du lịch)
		/də'mestɪk tʊəɪzəm/	du lịch trong nước
	(v)	/'estɪmeɪt/	ước tính
	(adj)	/'fɪkst/	cố định
		/'fu:d 'tʊəɪzəm/	du lịch ẩm thực
	(n)	/'greɪvjɑ:d/	nghĩa địa
	(n)	/'hɒlədeɪmeɪkə/	người đi nghỉ
	(n)	/'həʊmsteɪ/	nhà trọ
	(n)	/hɒp ɒn hɒp ɒf/	(tour) bằng xe buýt có thể lên, xuống nhiều điểm tại
	(v)	/'hʌnt/	săn tìm
	(n)	/'aɪ'tɪnərəri/	lịch trình
	(n)	/'lɒft/	gác mái

(n)	/ˈləʊ si:zn/	mùa (du lịch) vắng khách
	/ˌɒnˈlaɪn æp/ (/ˌæplɪˈkeɪʃn/)	ứng dụng trên mạng
(n)	/ˈpækɪdʒ hɒlədeɪ/	kì nghỉ trọn gói
(adj)	/ˈru:ɪnəs/	đồ nát
	/self ˈgɑ:ɪd/	tự tổ chức
	/ˈʃɒpɪŋ ˈtʊərɪzəm /	du lịch mua sắm
(adj)	/smu:ð/	trôi chảy
(v)	/ˈwɒndə/	dạo chơi
(adj)	/ˌwɜ:lɪd ˈfeɪməs/	nổi tiếng thế giới
	/wɜ:k aʊt/	soạn thảo, lên (kế hoạch)